

Ngày thi: 09/05/2015

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					SỐ	CHỮ	
1	1813719001	Bùi Quý	An	N18DLK5	8.0	Tám	ĐẠT
2	1812719006	Ngô Thị Quỳnh	Anh	N18DLK5	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
3	1812719008	Nguyễn Thị Tú	Anh	N18DLK4	8.0	Tám	ĐẠT
4	1813719011	Đào Duy	Anh	N18DLK5	6.0	Sáu	ĐẠT
5	1812719013	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	N18DLK4	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
6	1813719018	Huỳnh Kim	Cảnh	N18DLK2	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
7	1712719926	Thái Trịnh Minh	Châu	N17DLK	9.0	Chín	ĐẠT
8	1812719020	Nguyễn Thị Minh	Châu	N18DLK3	9.0	Chín	ĐẠT
9	1813719021	Nguyễn Hữu	Châu	N18DLK5	8.5	Tám phẩy Năm	ĐẠT
10	1812719023	Võ Quế	Chi	N18DLK5	9.0	Chín	ĐẠT
11	1813719025	Lê Văn	Chiến	N18DLK5	6.0	Sáu	ĐẠT
12	1812719048	Trần Đặng Minh	Đài	N18DLK6	6.0	Sáu	ĐẠT
13	1812719028	Bùi Lê Thúy	Diễm	N18DLK2	8.0	Tám	ĐẠT
14	1812719053	Nguyễn Thị	Đông	N18DLK2	8.0	Tám	ĐẠT
15	1812719054	Nguyễn Thị Thu	Đông	N18DLK6	5.0	Năm	ĐẠT
16	1813719056	Dụng Anh	Đức	N18DLK1	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
17	1812719031	Nguyễn Thị Thanh	Dung	N18DLK3	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
18	1812719032	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	N18DLK4	7.0	Bảy	ĐẠT
19	1812719034	Dương Thị Thùy	Dung	N18DLK2	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
20	1812719047	Lê Trùng	Dương	N18DLK2	8.0	Tám	ĐẠT
21	1813719045	Hoàng Hải	Dương	N18DLK2	9.0	Chín	ĐẠT
22	1813719046	Phan Văn	Dương	N18DLK2	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
23	1813719040	Nguyễn Ngọc	Duy	N18DLK2	8.5	Tám phẩy Năm	ĐẠT
24	1813719042	Nguyễn Khánh	Duy	N18DLK6	8.0	Tám	ĐẠT
25	1812719043	Hoàng Mộng	Duyên	N18DLK1	8.0	Tám	ĐẠT
26	1812719059	Nguyễn Thị Hương	Giang	N18DLK1	7.0	Bảy	ĐẠT
27	1812719215	H' Hiệp Niê	H' Sah	N18DLK5	8.0	Tám	ĐẠT
28	1812719062	Trần Thị Thu	Hà	N18DLK3	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
29	1812719063	Huỳnh Thị Kim	Hà	N18DLK5	5.0	Năm	ĐẠT
30	1812719064	Lê Thị Ngọc	Hà	N18DLK6	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
31	1812719065	Phan Thị Thu	Hà	N18DLK1	5.0	Năm	ĐẠT
32	1813719061	Đinh Ngọc	Hà	N18DLK1	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
33	1812719068	Nguyễn Hồng	Hạnh	N18DLK6	5.0	Năm	ĐẠT
34	1812719071	Bùi Thị	Hiên	N18DLK4	5.0	Năm	ĐẠT
35	1812719073	Lê Thị Diệu	Hiên	N18DLK3	5.0	Năm	ĐẠT
36	1812719074	Nguyễn Trần Thu	Hiên	N18DLK1	7.0	Bảy	ĐẠT

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					SỐ	CHỮ	
37	1812719076	Nguyễn Thị Kim	Hiền	N18DLK1	7.0	Bảy	ĐẠT
38	1813719072	Nguyễn Viết Duy	Hiền	N18DLK6	5.0	Năm	ĐẠT
39	1813719077	Trần Minh	Hiền	N18DLK6	5.0	Năm	ĐẠT
40	1813719078	Trương Hoàng	Hiếu	N18DLK5	5.0	Năm	ĐẠT
41	1813719082	Nguyễn Trọng	Hiếu	N18DLK4	5.0	Năm	ĐẠT
42	1812719085	Lê Hoàng	Hoa	N18DLK6	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
43	1812719087	Nguyễn Thị Hạ	Hoài	N18DLK2	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
44	1813719089	Trần Thiên	Hoàng	N18DLK5	6.0	Sáu	ĐẠT
45	1813719090	Đoàn Văn	Hoàng	N18DLK3	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
46	1813719091	Võ Quang	Hoàng	N18DLK5	5.0	Năm	ĐẠT
47	1812719093	Nguyễn Thị Kim	Hồng	N18DLK2	6.0	Sáu	ĐẠT
48	1813719094	Phạm Thế	Hùng	N18DLK5	5.0	Năm	ĐẠT
49	1813719097	Phạm Lê Duy	Hưng	N18DLK5	7.0	Bảy	ĐẠT
50	1812719101	Lê Thị Thu	Hương	N18DLK6	6.0	Sáu	ĐẠT
51	1813719106	Đặng Vũ Anh	Khoa	N18DLK4	5.0	Năm	ĐẠT
52	1813719112	Đào Ngọc	Khuê	N18DLK4	5.0	Năm	ĐẠT
53	1812719114	Lưu Mỹ	Lai	N18DLK4	6.0	Sáu	ĐẠT
54	1813719116	Phùng Duy	Lâm	N18DLK2	6.0	Sáu	ĐẠT
55	1812719117	Nguyễn Thị	Lan	N18DLK5	6.0	Sáu	ĐẠT
56	1812719122	Nguyễn Phạm Hoài	Linh	N18DLK4	6.0	Sáu	ĐẠT
57	1812719126	Phan Bạch Hồng	Loan	N18DLK4	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
58	1813719131	Trần Thanh	Lợi	N18DLK3	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
59	1813719127	Nguyễn Thành	Long	N18DLK1	6.0	Sáu	ĐẠT
60	1812719133	Dương Trương Thị	Luyến	N18DLK6	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
61	1812719138	Võ Thùy Bảo	My	N18DLK2	7.0	Bảy	ĐẠT
62	1812719145	Nguyễn Vĩnh	Nam	N18DLK2	6.0	Sáu	ĐẠT
63	1812719146	Nguyễn Thị Thúy	Nga	N18DLK4	6.0	Sáu	ĐẠT
64	1812719147	Đoàn Thị Khánh	Nga	N18DLK6	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
65	1812219553	Nguyễn Hoài Bảo	Ngọc	N18DLK2	6.0	Sáu	ĐẠT
66	1812719149	Nguyễn Xuân Phương	Ngọc	N18DLK3	5.0	Năm	ĐẠT
67	1812719150	Phạm Thị Bích	Ngọc	N18DLK2	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
68	1812719151	Nguyễn Thị Tổ	Nguyên	N18DLK4	7.0	Bảy	ĐẠT
69	1812719156	Hoàng Thị	Nguyệt	N18DLK5	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
70	1812719157	Lê Võ Mỹ Thanh	Nhân	N18DLK4	6.0	Sáu	ĐẠT
71	1813719158	Nguyễn Trọng	Nhân	N18DLK4	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
72	1813719159	Trương Thành	Nhân	N18DLK4	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
73	1812719162	Đặng Thị Hồng	Nhật	N18DLK6	5.0	Năm	ĐẠT
74	1812719166	Đoàn Trần Ý	Nhi	N18DLK3	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
75	1812719167	Trương Nguyễn Yến	Nhi	N18DLK2	6.0	Sáu	ĐẠT
76	1812719168	Trần Thị Hiền	Nhi	N18DLK1	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				SỐ	CHỮ	
77	1812719169	Trương Thị Thúy Nhi	N18DLK4	5.0	Năm	ĐẠT
78	1812719170	Trần Phương Quỳnh	N18DLK4	7.0	Bảy	ĐẠT
79	1813719171	Nguyễn Thế Nhơn	N18DLK2	6.0	Sáu	ĐẠT
80	1812719176	Nguyễn Thị Nữ	N18DLK6	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
81	1812719180	Nguyễn Thị Mai Phi	N18DLK3	8.0	Tám	ĐẠT
82	1812719183	Nguyễn Ngọc Nguyên Phú	N18DLK4	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
83	1813719189	Trần Phi Phụng	N18DLK5	8.5	Tám phẩy Năm	ĐẠT
84	1812719193	Võ Thị Phước	N18DLK6	6.0	Sáu	ĐẠT
85	1813719191	Nguyễn Chánh Phước	N18DLK3	5.0	Năm	ĐẠT
86	1813719192	Nguyễn Phước	N18DLK1	6.0	Sáu	ĐẠT
87	1812719196	Phan Hồng Phương	N18DLK3	9.0	Chín	ĐẠT
88	1812719199	Trương Thị Ngọc Phượng	N18DLK4	9.5	Chín phẩy Năm	ĐẠT
89	1812719203	Nguyễn Thị Thu Quý	N18DLK4	6.0	Sáu	ĐẠT
90	1812719206	Phan Thị Bảo Quyên	N18DLK2	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
91	1812719209	Phạm Đoàn Khánh Quỳnh	N18DLK4	8.5	Tám phẩy Năm	ĐẠT
92	1812719211	Lê Thị Như Quỳnh	N18DLK1	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
93	1812719212	Mai Trần Xuân Quỳnh	N18DLK6	9.0	Chín	ĐẠT
94	1812719213	Nguyễn Thị Như Quỳnh	N18DLK5	6.0	Sáu	ĐẠT
95	1813719208	Phùng Ngọc Quỳnh	N18DLK1	9.5	Chín phẩy Năm	ĐẠT
96	1813719217	Phạm Ngọc Sơn	N18DLK3	6.0	Sáu	ĐẠT
97	1812719219	Trần Thị Tâm	N18DLK2	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
98	1812719220	Phan Nguyễn Thành Tâm	N18DLK6	5.0	Năm	ĐẠT
99	1813719221	Tô Văn Hoài Tâm	N18DLK6	7.0	Bảy	ĐẠT
100	1812719228	Phùng Thị Thiên Thanh	N18DLK2	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
101	1813719229	Ngô Trương Duy Thành	N18DLK3	5.0	Năm	ĐẠT
102	1812719230	Phạm Phương Thảo	N18DLK3	5.0	Năm	ĐẠT
103	1812719232	Lê Huỳnh Hiếu Thảo	N18DLK3	8.0	Tám	ĐẠT
104	1812719233	Trần Dương Việt Thảo	N18DLK4	8.0	Tám	ĐẠT
105	1812719234	Trần Việt Thảo	N18DLK1	5.0	Năm	ĐẠT
106	1812719235	Nguyễn Thị Gia Thảo	N18DLK6	8.0	Tám	ĐẠT
107	1813719243	Nguyễn Ngọc Thông	N18DLK4	5.0	Năm	ĐẠT
108	1812719244	Đỗ Nguyễn Hoài Thu	N18DLK5	9.0	Chín	ĐẠT
109	1812719245	Đặng Thị Hoài Thu	N18DLK1	6.0	Sáu	ĐẠT
110	1812719257	Nguyễn Diệu Anh Thư	N18DLK2	9.0	Chín	ĐẠT
111	1812719252	Võ Thị Ánh Thủy	N18DLK3	6.0	Sáu	ĐẠT
112	1812719255	Nguyễn Thị Thu Thủy	N18DLK5	9.0	Chín	ĐẠT
113	1813719264	Nguyễn Thành Tín	N18DLK5	5.0	Năm	ĐẠT
114	1813119457	Nguyễn Văn Tịnh	N18DLK5	5.0	Năm	ĐẠT
115	1813719266	Mai Đình Toàn	N18DLK3	7.0	Bảy	ĐẠT
116	1812719271	Tôn Nguyễn Huyền Trâm	N18DLK2	7.0	Bảy	ĐẠT

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					SỐ	CHỮ	
117	1812719272	Huỳnh Huyền	Trâm	N18DLK1	3.0	Ba	KHÔNG ĐẠT
118	1812719273	Nguyễn Thị Bích	Trâm	N18DLK3	6.0	Sáu	ĐẠT
119	1812719268	Nguyễn Thị Thùy	Trang	N18DLK1	3.0	Ba	KHÔNG ĐẠT
120	1813719278	Huỳnh Ngọc	Trí	N18DLK5	8.5	Tám phẩy Năm	ĐẠT
121	1813719279	Nguyễn Duy	Trí	N18DLK6	7.0	Bảy	ĐẠT
122	1813719280	Lý Thê	Triệu	N18DLK5	8.5	Tám phẩy Năm	ĐẠT
123	1813719281	Nguyễn Công	Triệu	N18DLK6	5.0	Năm	ĐẠT
124	1813719285	Tạ Thanh	Trung	N18DLK5	7.0	Bảy	ĐẠT
125	1813719286	Nguyễn Thành	Trung	N18DLK5	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
126	1813719287	Phạm Ngọc	Trung	N18DLK2	7.0	Bảy	ĐẠT
127	1813719290	Nguyễn Ngọc	Tú	N18DLK5	5.0	Năm	ĐẠT
128	1813719292	Phan Thành	Tuấn	N18DLK5	5.0	Năm	ĐẠT
129	1813719293	Phan Sỹ	Tùng	N18DLK4	5.0	Năm	ĐẠT
130	1813719295	Trần Mai Phước	Tùng	N18DLK3	5.0	Năm	ĐẠT
131	1812719296	Phạm Thị Thanh	Tuyền	N18DLK5	7.0	Bảy	ĐẠT
132	1812719297	Lâm Thảo	Uyên	N18DLK2	0.0	Không	KHÔNG ĐẠT
133	1812719303	Trần Thị Kiều	Vân	N18DLK1	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
134	1812719305	Nguyễn Thị Hoàng	Vân	N18DLK6	8.0	Tám	ĐẠT
135	1813719301	Trần Khánh	Văn	N18DLK6	8.0	Tám	ĐẠT
136	1812719304	Nguyễn Thị	Vân	N18DLK6	6.0	Sáu	ĐẠT
137	1813719307	Huỳnh Văn	Vĩ	N18DLK3	3.0	Ba	KHÔNG ĐẠT
138	1813719310	Nguyễn Hữu	Vinh	N18DLK5	6.0	Sáu	ĐẠT
139	1812719311	Trương Thị	Von	N18DLK1	5.0	Năm	ĐẠT
140	1813719313	Dương Lê Tuấn	Vũ	N18DLK4	9.0	Chín	ĐẠT
141	1813719314	Phạm Hoàng	Vũ	N18DLK1	5.0	Năm	ĐẠT
142	1813719317	Nguyễn Minh	Vương	N18DLK6	3.0	Ba	KHÔNG ĐẠT
143	1813719318	Trần Viết	Vương	N18DLK2	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
144	1812719319	Phan Thúy	Vy	N18DLK3	7.0	Bảy	ĐẠT
145	1812719321	Trần Thị Hiền	Vy	N18DLK5	6.0	Sáu	ĐẠT
146	1812719323	Trương Nguyễn Như	Ý	N18DLK1	6.0	Sáu	ĐẠT
147	1812719324	Nguyễn Thị Kim	Yến	N18DLK3	5.0	Năm	ĐẠT
148	1812719276	Lê Thị	Trâm	N18DLK6	5.0	Năm	ĐẠT
149	1812719300	Trần Hồ Phương	Uyên	N18DLK6	5.0	Năm	ĐẠT
150	1812719165	Phan Thị Uyên	Nhi	N18DLK6	7.0	Bảy	ĐẠT
151	1813719004	Lê Đức	Anh	N18DLK6	6.0	Sáu	ĐẠT
152	1813719175	Đỗ Văn	Nhật	N18DLK5	5.0	Năm	ĐẠT
153	1813719075	Trương Thanh	Hiền	N18DLK5	5.0	Năm	ĐẠT
154	1813719128	Nguyễn Hoàng	Long	N18DLK5	5.0	Năm	ĐẠT
155	1813719109	Trần Đăng	Khoa	N18DLK6	5.0	Năm	ĐẠT
156	1813719322	Nguyễn Phú	Vỹ	N18DLK6	3.0	Ba	KHÔNG ĐẠT

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				SỐ	CHỮ	
157	1813719041	Nguyễn Tấn Duy	N18DLK6	3.0	Ba	KHÔNG ĐẠT
158	1812719144	Nguyễn Hoàng Ni	N18DLK6	6.0	Sáu	ĐẠT
159	1812719026	Lê Thị Kim	N18DLK6	6.0	Sáu	ĐẠT
160	1813719003	Lê Thành	N18DLK5	7.0	Bảy	ĐẠT
161	1813719037	Thái Tú	N18DLK6	7.0	Bảy	ĐẠT
162	1812719069	Tôn Nữ Thị	N18DLK6	5.0	Năm	ĐẠT
163	1813719626	Nguyễn Đình	N18DLK5	6.0	Sáu	ĐẠT
164	1813719153	Vũ Hoàng	N18DLK5	5.0	Năm	ĐẠT
165	1813719187	Nguyễn Thành	N18DLK6	5.0	Năm	ĐẠT

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ
1	Số sinh viên đạt	158	96%
2	Số sinh viên nợ	7	4%
TỔNG CỘNG :		165	100%

TRƯỞNG BAN THU KÝ

ThS. Nguyễn Ân

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 05 năm 2015
CT.HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

PGS. TS Lê Đức Toàn